

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CHO SỰ RA ĐỜI HỘI PHẢN ĐẾ ĐỒNG MINH – HÌNH THỨC ĐẦU TIÊN CỦA MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT VIỆT NAM

Trần Thị Thùy Dung

Trường Đại học Đồng Nai

Email: ttthuydung87@gmail.com

(Ngày nhận bài: 13/5/2025, ngày nhận bài chỉnh sửa: 27/6/2025, ngày duyệt đăng: 17/9/2025)

TÓM TẮT

Đoàn kết là truyền thống quý báu của dân tộc Việt. Hàng triệu con người Việt Nam được tập hợp trong một mặt trận dân tộc thống nhất không những thể hiện tinh thần cố kết toàn dân tộc mà còn giúp nhân dân ta giành thắng lợi trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, đặc biệt là hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, giữ vững độc lập và đang trên đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bài viết hướng đến việc tìm hiểu cơ sở lý luận và thực tiễn cho sự ra đời Hội Phản đế đồng minh – hình thức mặt trận dân tộc thống nhất đầu tiên trong lịch sử Việt Nam từ khi có sự lãnh đạo của Đảng.

Từ khóa: Hội Phản đế đồng minh, mặt trận dân tộc thống nhất, cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn, đoàn kết

1. Đặt vấn đề

Xuyên suốt lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, nhân dân Việt Nam luôn phải đương đầu với các thế lực hùng mạnh hơn: kháng chiến chống quân Tống (thế kỉ XI), quân Mông – Nguyên (thế kỉ XIII), quân Minh (thế kỉ XV), quân Thanh (thế kỉ XVIII). Để giành thắng lợi trong các cuộc chiến đó, bên cạnh tài năng lãnh đạo của người chỉ huy còn là sự đoàn kết toàn dân nhằm thực hiện mục đích chung là bảo vệ độc lập dân tộc. Kế thừa truyền thống đó, Hồ Chủ tịch đã vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong việc tập hợp toàn dân vào một mặt trận dân tộc thống nhất (MTDTTN) phù hợp với từng hoàn cảnh khác nhau. MTDTTN với những hình thức tổ chức và tên gọi khác nhau qua từng thời kì đã trở thành nơi cố kết toàn dân tộc, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bài viết góp phần nghiên cứu sự ra đời của Hội Phản đế đồng minh (HPĐĐM) – hình thức mặt trận dân tộc thống nhất đầu tiên của cách mạng Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu

Theo *Từ điển thuật ngữ lịch sử phổ thông*, mặt trận được hiểu theo ba nghĩa khác nhau: một là “nơi xảy ra chiến sự” (Phan Ngọc Liên, 2009, tr. 280); hai là “lĩnh vực đấu tranh: mặt trận ngoại giao, mặt trận văn hóa...” (Phan Ngọc Liên, 2009, tr. 280); ba là “tổ chức tập hợp nhiều lực lượng chính trị, xã hội cùng phấn đấu cho mục đích chung” (Phan Ngọc Liên, 2009, tr.281). Trong bài viết này, mặt trận được hiểu theo nghĩa thứ ba, đó là tổ chức tập hợp các lực lượng trong xã hội nhằm thực hiện một mục đích chung.

Liên quan đến chủ đề này, đã có nhiều nghiên cứu đã công bố, trong đó có một số nghiên cứu tiêu biểu như: Tác giả Nguyễn Công Bình với công trình *Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam*, xuất bản năm 1963, cho đến nay cuốn sách vẫn là một trong những số những nghiên cứu có giá trị về chủ đề MTDTTN. Tác giả đã phân tích, làm rõ các nội dung: khái quát lịch sử hình thành MTDTTN Việt Nam qua các

thời kì khác nhau với các tên gọi và hình thức tổ chức cụ thể phù hợp với nhiệm vụ của từng giai đoạn cách mạng; phân tích những nguyên tắc, phương pháp mà MTDDTN đã áp dụng để đoàn kết các lực lượng khác nhau; tầm quan trọng chiến lược của khối đại đoàn kết toàn dân tộc được thể hiện thông qua MTDDTN, coi đây là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Năm 2006, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã công bố công trình *Lịch sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam*, gồm 3 quyển: *Quyển I: Sự ra đời và hoạt động của Mặt trận (1930 – 1945)*; *Quyển II: Hoạt động của Mặt trận (1954 - 1975)* và *Quyển III: Hoạt động của Mặt trận (1975 – 2004)*. Đây là công trình nghiên cứu khá công phu, đầy tâm huyết của các nhà nghiên cứu khi tìm hiểu lịch sử của MTDDTN Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử từ 1930 – 2004. Trong đó, *Quyển 1* đi sâu phân tích bối cảnh Việt Nam đầu thế kỉ XX, đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân yêu nước dưới một ngọn cờ chung để chống kẻ thù; đồng thời cung cấp một cái nhìn sâu sắc về những năm tháng đầu tiên của MTDDTN Việt Nam, khẳng định vai trò tiên phong của Đảng Cộng sản Việt Nam và tầm quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong việc chuẩn bị và làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, 2006). Ngoài ra, còn có các bài viết đăng trên các tạp chí như: *Tạp chí Cộng sản*, *Tạp chí Lý luận chính trị*: “Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Mặt trận dân tộc thống nhất: Kinh nghiệm và bài học cho hôm nay” (Trần Hậu, 2020); Tư tưởng Hồ Chí Minh về mặt trận dân tộc thống nhất (Lý Việt Quang & Trần Thị Huyền,

2021)... Những nghiên cứu trên đã khái quát một số nội dung liên quan đến bài viết: những vấn đề lí luận về MTDDTN; tư tưởng Hồ Chí Minh về MTDDTN trong tiến trình cách mạng Việt Nam; vị trí, vai trò của mặt trận trong các giai đoạn lịch sử; các hình thức và tên gọi của mặt trận từ năm 1930; một số thành công nổi bật của Đảng trong việc lãnh đạo Mặt trận Dân tộc Thống nhất, xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đến nay, chưa có công trình nào tìm hiểu một cách hệ thống về sự ra đời của HPĐĐM. Vì vậy, việc nghiên cứu và làm rõ cơ sở hình thành HPĐĐM – hình thức MTDDTN đầu tiên trong cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng vào năm 1930 có ý nghĩa lí luận và thực tiễn.

3. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic – hai phương pháp nghiên cứu chính trong khoa học lịch sử. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng một số phương pháp khác như tổng hợp, so sánh, phân tích để đánh giá sự kiện, góp phần làm sáng tỏ thêm các nhận định, đánh giá trong việc phân tích, luận giải cơ sở cho sự ra đời của HPĐĐM – hình thức MTDDTN đầu tiên của cách mạng Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. *Nguyễn Ái Quốc - người đặt nền móng cho quan điểm, đường lối về công tác đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế*

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp, giải phóng dân tộc là mong muốn, là khát vọng của các tầng lớp nhân dân lúc bấy giờ. Các phong trào yêu nước lần lượt diễn ra với nhiều hình thức khác nhau và cùng chung một mục đích: đánh Pháp, giải phóng dân tộc. Từ phong trào Cần Vương đến Duy Tân hội của Phan Bội

Châu và cải cách của Phan Châu Trinh đều nhằm một mục đích giải phóng dân tộc. Tuy nhiên, tất cả các phong trào trên đều thất bại với nhiều nguyên nhân khác nhau. Các nhà yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh đã không nhận thức rõ tính chất xã hội của Việt Nam đã thay đổi: xã hội phong kiến chuyển sang xã hội thuộc địa nửa phong kiến, nhận thức không đầy đủ các mâu thuẫn của xã hội Việt Nam, mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam và thực dân Pháp tồn tại song song cùng mâu thuẫn giữa địa chủ và nông dân. Từ đó, dẫn đến một số hạn chế về chiến lược, phương pháp đấu tranh và tập hợp lực lượng. Là sĩ phu phong kiến tiến bộ, tiếp thu các tư tưởng mới của thế giới lúc bấy giờ, Phan Bội Châu đã nhận ra được sức mạnh của việc cổ kết toàn dân tộc, nên đã tập hợp nhân dân “đồng tâm cứu quốc”:

1. Sự đồng tâm của các nhà hào phú;
2. Sự đồng tâm của các quan tại chức;
3. Sự đồng tâm của con em nhà quyền quý;
4. Sự đồng tâm của giáo đồ thiên chúa;
5. Sự đồng tâm của thủy lục quân;
6. Sự đồng tâm của các đồ đảng và hội đảng;
7. Sự đồng tâm của thông ngôn kí lục và bồi bếp;
8. Sự đồng tâm của giới phụ nữ;
9. Sự đồng tâm của con em các nhà bị giặc tàn sát;
10. Sự đồng tâm của học sinh hải ngoại. (Nguyễn Công Bình, 1963, tr. 15)

Tuy nhiên, trong lời kêu gọi “đồng tâm” ấy, Phan Bội Châu vẫn chú ý tới tầng lớp trên của xã hội: nhà hào phú, quan lại, nhà quyền quý... hoàn toàn vắng bóng giai cấp nông dân – lực lượng đông đảo trong xã hội lúc bấy giờ. Đây có thể được xem là hạn chế của Phan Bội Châu nói riêng và các sĩ phu phong kiến nói chung do vẫn còn chịu ảnh hưởng

của tư tưởng phong kiến. Các phong trào chống Pháp với các khuynh hướng khác nhau từ phong kiến đến dân chủ tư sản liên tiếp diễn ra với tinh thần chiến đấu cao nhưng đều tất cả bị đàn áp, đều bị thất bại.

Trước tình hình đó, ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành quyết định ra đi tìm đường cứu nước. Người đã đi sang phương Tây với một mong muốn cứu nước, giải phóng dân tộc. Từ năm 1911 đến năm 1930, Người đã đến nhiều nơi trên thế giới. Trong đó, Người đã dừng chân, tìm hiểu về lịch sử của ba nước đế quốc lớn thời đó là Mỹ, Anh và Pháp và rút ra những bài học quý báu cho bước đường giải phóng dân tộc sau này. Đặc biệt, giai đoạn 1917 - 1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động tại Pháp - đây có lẽ là khoảng thời gian hoạt động làm thay đổi “về chất” trong nhận thức, tư tưởng và hành động, tạo ra những bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cứu nước của Người. Tháng 6/1919, Nguyễn Ái Quốc đã gửi đến Hội nghị Vec-xai “Bản yêu sách của nhân dân An Nam”. Đây là lần đầu tiên người dân của một nước thuộc địa gửi đến hội nghị quốc tế đòi các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng cho dân tộc. Bản yêu sách không được chấp nhận, Nguyễn Ái Quốc nhận thức được rằng: để cứu nước, giải phóng dân tộc phải tự lực cánh sinh, và điều cần thiết là phải xây dựng sức mạnh nội lực từ bên trong. Giữa tháng 7/1920, Người đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin. Luận cương của V.I. Lênin đã trả lời cho những câu hỏi của Nguyễn Ái Quốc về con đường giải phóng dân tộc, về lực lượng cách mạng và mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và

cách mạng vô sản ở chính quốc... Với việc lựa chọn này, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã giải quyết được cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc kéo dài hai phần ba thế kỉ.

Bên cạnh đó, ở nước Pháp, Người tận mắt chứng kiến xã hội Pháp cũng có những người nghèo như ở Việt Nam, Người ngạc nhiên: “O, ở Pháp cũng có người nghèo như bên ta [...] Tại sao người Pháp không “khai hóa” đồng bào của nước họ trước khi đi “khai hóa” chúng ta” (Trần Dân Tiên, 2004, tr.18). Hoặc khi đến Dacar (châu Phi), cảnh tượng hiện ra trước mắt làm cho Nguyễn Tất Thành rất đau xót, Người đồng cảm sâu sắc với số phận chung của nhân dân các nước thuộc địa và nhận ra “Những người Pháp ở Pháp phần nhiều là tốt, song những người Pháp thực dân rất hung ác và vô nhân đạo” (Trần Dân Tiên, 2004, tr. 23). Bằng quan sát thực tế, Người nhận ra rằng ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác và những người lao động cũng bị bóc lột, áp bức nặng nề

dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột, mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản. (Hồ Chí Minh, 2011, tr.287)

Năm 1925, với luận điểm:

Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vôi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vôi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa, nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vôi, nếu người ta chỉ cắt một vôi thôi, thì cái vôi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vôi bị cắt đứt lại sẽ

mọc ra. (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, tr. 130)

được nêu ra trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Người nhận định rằng: để chống lại kẻ thù chung là chủ nghĩa thực dân, để giải phóng dân tộc, giải phóng con người, đòi hỏi sự đoàn kết liên minh chặt chẽ nhân dân lao động ở thuộc địa và chính quốc, phải có được quan hệ hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa cách mạng chính quốc và cách mạng thuộc địa.

Xuất phát từ lòng yêu nước, ra đi tìm đường cứu nước, bằng sự nghiên cứu lí luận và hoạt động thực tiễn, được Luận cương của Lênin soi sáng, Nguyễn Ái Quốc đã tìm được “cái cần thiết cho chúng ta”, cần thiết cho phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, trong đó nhấn mạnh về việc tập hợp, xây dựng, đoàn kết lực lượng trong nước và quốc tế:

Một là về đoàn kết trong nước, Người tiếp thu quan điểm của Lê-nin:

phân biệt rõ rệt lợi ích của giai cấp bị áp bức, của những người lao động, của những người bị bóc lột, với cái khái niệm chung về lợi ích của nhân dân nói chung, nó chỉ biểu hiện những lợi ích của giai cấp thống trị. (Lê-nin, 2005, tr. 198)

và

không có sự cố gắng tự nguyện tiến tới sự liên minh và sự thống nhất của giai cấp vô sản, rồi sau nữa, của toàn thể quần chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên thế giới, thì không thể chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản được. (Lê-nin, 2005, tr. 206)

Đồng thời, kết hợp với thực tế xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, Người đã phân tích tình hình các giai cấp,

tầng lớp xã hội ở Việt Nam; phân tích các mâu thuẫn ở Việt Nam để tìm ra phương pháp tập hợp, tổ chức và lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc bao gồm các giai cấp, tầng lớp, các dân tộc, tôn giáo và ở mọi lứa tuổi trong một mặt trận chung chống Pháp giải phóng dân tộc.

Hai là về đoàn kết quốc tế, Người có sự phân biệt rất rõ giữa nhân dân Pháp và thực dân Pháp. Người nhận ra rằng đối tượng của cách mạng Việt Nam không phải là toàn bộ nhân dân Pháp mà là thực dân Pháp xâm lược dưới chiêu bài “khai hóa văn minh cho An Nam” nhưng thực chất vơ vét, đàn áp nhân dân các nước thuộc địa, khai thác tài nguyên của các nước để làm giàu cho giai cấp tư sản chính quốc Pháp. Với nhân dân lao động Pháp, họ không phải là đối tượng để đấu tranh mà là đồng minh, đồng chí nhằm chống lại âm mưu thâm độc của chủ nghĩa đế quốc, thực dân. Những nhận định trên đã mở ra ý tưởng quan trọng về đoàn kết quốc tế: muốn đấu tranh chống lại áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân ở các nước thuộc địa thì phải tổ chức, tập hợp, đoàn kết nhân dân ở mỗi nước với lực lượng cách mạng ở chính quốc và quốc tế thì mới tạo ra sức mạnh chống lại kẻ thù.

Để thực hiện đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực tham gia các phong trào cách mạng của công nhân ở các nước, hoạt động tích cực trong Đảng Cộng sản Pháp, Quốc tế III, các Quốc tế nông dân, thanh niên, phụ nữ... với mục tiêu thêm bạn cho cách mạng Việt Nam. Trước tiên, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội những người An Nam yêu nước - tổ chức tập hợp những người Việt Nam đang sinh sống ở Pháp, đánh dấu sự hình thành về tổ chức, tập hợp quần chúng yêu nước,

khởi nguồn cho những tư duy, nhận thức về đoàn kết, tập hợp lực lượng. Năm 1921, lần đầu tiên một tổ chức liên minh giữa các nước thuộc địa đã được thành lập, đó là Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa Pháp - là mô hình tổ chức mang tính chất mặt trận do Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập. Đồng thời, Hội liên hiệp thuộc địa đã xuất bản báo *Le Paria (Người cùng khổ)* (1922). Năm 1925, Người tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức châu Á để tăng cường mối liên hệ cách mạng với các nước bị áp bức ở phương Đông; sáng lập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên Hội và cử hội viên về nước vận động và đưa thanh niên sang Quảng Châu đào tạo. Năm 1927, cuốn sách *Đường Kách mệnh* được xuất bản, là tư liệu cho những người cộng sản những kiến thức cơ bản về cách mạng, chuẩn bị những tiền đề về tổ chức và cán bộ cho việc thành lập Đảng.

Tư tưởng về đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế đánh dấu sự trưởng thành về nhận thức của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, là một cống hiến về lí luận và thực tiễn cho sự thành lập MTDTTN đối với cách mạng Việt Nam của Người.

4.2. Quá trình thành lập Hội Phản đế đồng minh – hình thức đầu tiên của Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam đầu tiên

4.2.1. Cơ sở lí luận cho sự thành lập tổ chức Hội Phản đế đồng minh

Bằng các hoạt động thực tế và nhận quan chính trị sắc bén, Người nhận thấy tình hình cách mạng Việt Nam cuối những năm 20 của thế kỉ XX có những mâu thuẫn nhất định. Do đó, Người đã chủ động triệu tập đại biểu của các tổ chức cộng sản để bàn về việc thống nhất

đảng. Ngày 6/1/1930, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị hợp nhất Đảng tại Cửu Long (Hương Cảng – Trung Quốc). Hội nghị đã thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng và các văn kiện quan trọng khác, đồng thời, hội nghị đã phân tích tình hình và đề ra phương pháp, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam. Hội nghị đã vạch ra những vấn đề cơ bản về đường lối cách mạng Việt Nam: xác định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam là làm “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”; lãnh đạo cách mạng là Đảng Cộng sản Việt Nam, đội quân tiên phong của giai cấp vô sản sẽ giữ vai trò lãnh đạo cách mạng. Để thực hiện được mục tiêu chiến lược đó, một trong những nhiệm vụ trước mắt là phải tập hợp lực lượng, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc nhằm phát huy truyền thống yêu nước, giải phóng dân tộc - đó là cơ sở quan trọng về lí luận để sau này Đảng ta xây dựng MTDTTN Việt Nam.

Tại Hội nghị hợp nhất Đảng, các văn kiện đều nhấn mạnh sự cần thiết phải thành lập MTDTTN trong cuộc đấu tranh giữa nhân dân ta và thực dân Pháp nhằm giải phóng dân tộc. Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (2-1939) do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trì đã đề cập đến việc phải xây dựng một MTDTTN nhằm đoàn kết các giai tầng trong xã hội, phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng đất nước, khẳng định nhiệm vụ của Đảng là phải tập hợp, liên lạc với các giai cấp, tầng lớp, tổ chức chính trị “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung

nông, Thanh niên, Tân Việt,... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, tr. 4). Trong Báo cáo tóm tắt Hội nghị cũng nhấn mạnh việc thành lập tổ chức phản đế để tập hợp lực lượng:

Đảng chỉ định một đồng chí chịu trách nhiệm đại biểu tất cả các đảng phái như Tân Việt, Thanh niên, Quốc dân Đảng, Đảng Nguyễn An Ninh,... để thành lập mặt trận phản đế mà về sau cá nhân hoặc tổ chức đều có thể gia nhập (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, tr. 13).

Để xây dựng được tổ chức phản đế, Báo cáo cũng nêu rõ những việc cần làm: đình chỉ việc tổ chức các xích tổ, đưa trí thức, tiểu tư sản... vào tổ chức phản đế, đối với hai tổ chức Tân Việt và Việt Nam Quốc dân Đảng nên đưa họ vào tổ chức phản đế. Như vậy, thành lập MTDTTN là một việc làm cần thiết và mặt trận đó không chỉ tập hợp các cá nhân yêu nước mà còn có các tổ chức chính trị có tính thân phản đế, giải phóng nhân dân.

Về thành phần tham gia tổ chức phản đế, trên cơ sở thực tế Việt Nam là một xã hội thuộc địa, chịu sự thống trị của Pháp, các văn kiện đã chỉ rõ sự đối kháng giữa thực dân Pháp với hầu hết các giai tầng trong xã hội Việt Nam. Trong xã hội ấy, không chỉ có công nhân, nông dân chịu khổ mà các tầng lớp khác trong xã hội cũng chịu cảnh áp bức, bóc lột, mâu thuẫn dân tộc ngày càng gay gắt, giải phóng dân tộc trở thành nhu cầu cấp thiết lúc bấy giờ, quyền độc lập của dân tộc không còn thì quyền lợi của các giai cấp cũng không có “cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, tr. 15). Hơn nữa, ở một nước thuộc địa nửa phong

kiến, đặc điểm của các giai tầng không giống hoàn toàn với các nước phương Tây, điển hình là giai cấp tư sản “tư bản bản xứ không có thể lực gì ta không nên nói cho họ đi về phe đế quốc được, chỉ bọn đại địa chủ mới có thể lực và đứng hẳn về phe đế quốc chỉ nghĩa” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, tr. 2),

còn đối với bọn phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến,..) thì phải đánh đổ. (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, tr. 4)

Đây được xem là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mac Lenin của Nguyễn Ái Quốc vào hoàn cảnh thực tế của Việt Nam nhằm tranh thủ, phân hóa các giai tầng với mục đích “thêm bạn bớt thù”. Tóm lại, trong quá trình xây dựng tổ chức phản đế, các văn kiện xác định thành phần tham gia là toàn thể nhân dân Việt Nam, những người có tinh thần yêu nước, chống đế quốc, giải phóng dân tộc.

Như vậy, tình hình cách mạng Việt Nam đã làm nảy sinh nhu cầu mới của lịch sử trong điều kiện mới, Hội nghị hợp nhất Đảng đã đưa ra yêu cầu thành lập tổ chức phản đế dựa trên sự đoàn kết đấu tranh của các tầng lớp nhân dân, các lực lượng chính trị xã hội có tinh thần yêu nước và mong muốn giải phóng đất nước nhằm chống Pháp, giải phóng dân tộc.

Sau đó, Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương họp tháng 10 năm 1930 đã thông qua Ấn nghị quyết về vấn đề phản đế, trong đó tiếp tục khẳng định “việc tổ chức phản đế là một trách nhiệm cần kíp của Đảng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, tr. 199) nhưng đến nay chưa

thực hiện nên việc cần thiết lúc này là thành lập một tổ chức nhằm mục đích chống đế quốc, giải phóng dân tộc và nhấn mạnh rằng tổ chức đó phải mang tính quần chúng rộng rãi “phải làm cho hội ấy có tính quần chúng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, tr. 199). Bên cạnh đó, trong Điều lệ Đồng minh phản đế ở Đông Dương, vấn đề thành lập hội phản đế được xác định một cách rõ ràng, cụ thể hơn: tên gọi, mục đích, điều kiện vào hội, tổ chức, kinh phí và kỉ luật. Về tên gọi, tổ chức lấy tên Đại đồng minh phản đối đế quốc chủ nghĩa và mưu dân tộc độc lập – Phân bộ Đông Dương, gọi tắt là Đồng minh phản đế; về mục đích, bản Điều lệ xác định: “đoàn kết lực lượng cách mạng để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, mưu việc hoàn toàn độc lập cho xứ Đông Dương” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, tr. 201) bao gồm các cá nhân, đoàn thể cách mạng có tinh thần phản đế; về tổ chức, Hội phản đế đồng minh gồm: tỉnh hội, xứ hội đến trung ương.

Ngày 18/11/1930, Trung ương Đảng ra Chỉ thị về vấn đề thành lập hội “phản đế đồng minh” nhằm bổ sung, điều chỉnh chủ trương, chính sách thành lập Mặt trận; đồng thời, khắc phục những lệch lạc trong nhận thức về MTDTTN.

Thứ nhất, bản Chỉ thị đã phân tích tính chất của cuộc cách mạng ở Đông Dương. Để thực hiện thành công cuộc cách mạng ấy, giai cấp lãnh đạo cần phải tập hợp sức mạnh của quần chúng nhân dân trong cả nước vì cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, nếu

không tổ chức được toàn dân lại thành một lực lượng thật rộng, thật kín thì cuộc cách mạng cũng khó thành công (rộng là toàn dân cùng đứng trong một mặt trận chống đế

quốc và tụi phong kiến làm tay sai phản động hèn hạ; kín là đặt để công nông trong bức thành dân tộc phản đế bao la). (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, tr. 231)

Thứ hai, bản Chỉ thị khẳng định tính đúng đắn của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, khẳng định việc tổ chức HPĐĐM là một công tác “cần khẩn” và “hoi mới” đối với Đảng ta.

Thứ ba, về tổ chức Mặt trận, bản Chỉ thị hướng dẫn cách thức tiến hành xây dựng Mặt trận bằng hai phương pháp: từ trên xuống và từ dưới lên. Với những địa phương có phong trào cách mạng phát triển cao thì sử dụng biện pháp từ trên xuống, biện pháp từ dưới lên sẽ được dùng ở địa phương có phong trào phát triển thấp, phải áp dụng các hình thức như đọc báo, tương trợ... nhằm kêu gọi quần chúng nhân dân đứng lên đấu tranh giải phóng đất nước.

Trên cơ sở phân tích những khác biệt của một xã hội thuộc địa nửa phong kiến kết hợp cùng truyền thống của dân tộc, Hội nghị hợp nhất Đảng cùng các văn kiện của Trung ương Đảng đều xác định mâu thuẫn dân tộc là cơ bản nhất nên các giai tầng đều phải đứng lên đấu tranh giành lại quyền độc lập cho dân tộc mình. “Công nhân bãi công, học sinh bãi khóa, nông dân đòi ruộng đất, nhà buôn nhỏ đóng cửa hàng, nhân dân cả nước đang vùng dậy chống bọn đế quốc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, tr. 15) thể hiện tinh thần đoàn kết, phát huy tinh thần dân tộc, lòng yêu nước để lập mặt trận chống đế quốc. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu là sáng tạo của Đảng trong bối cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam là một xã hội thuộc địa nửa phong kiến và là cơ sở để hình thành MTĐTTN chung

trong cả nước, là sự khẳng định tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

4.2.2. Cơ sở thực tiễn cho sự thành lập Hội Phản đế đồng minh

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới những năm 1929 – 1933 đã để lại hậu quả hết sức nặng nề về kinh tế và gia tăng những mâu thuẫn xã hội ở các nước tư bản. Cuộc khủng hoảng đó cũng đã làm trầm trọng thêm tình trạng đói khổ của các tầng lớp nhân dân lao động ở các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái do Việt Nam Quốc dân đảng lãnh đạo đã bị thất bại vào năm 1930. Thực dân Pháp tiến hành một chiến dịch khủng bố dã man những người yêu nước, mâu thuẫn dân tộc ngày càng trở nên sâu sắc.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930, đã lãnh đạo phong trào cách mạng 1930 - 1931. Phong trào cách mạng 1930 - 1931, đỉnh cao là Xô Viết Nghệ Tĩnh lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia trên quy mô rộng lớn, với những hình thức đấu tranh phong phú, là một bước phát triển nhảy vọt về chất so với những phong trào yêu nước trước kia.

Mở đầu phong trào với ba cuộc bãi công tiêu biểu của công nhân đồn điền cao su Phú Riềng, nhà máy sợi Nam Định và nhà máy Cưa và nhà máy Diêm Bến Thủy.

Phong trào phát triển thành cao trào được đánh dấu bằng sự kiện ngày 1/5/1930 lần đầu tiên nhân dân Việt Nam kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động, nhân dân khắp nơi trên cả nước đứng dậy đấu tranh với các hình thức như mít tinh, biểu tình, bãi công, bãi khóa, bãi thị, treo cờ đỏ búa liềm... Tiêu biểu nhất là cuộc đấu tranh của 5.000 công nhân và nông dân

khu vực thành phố Vinh, đòi tăng tiền lương, giảm giờ làm, chống sưu thuế...

Trong nửa sau năm 1930, các cuộc biểu tình của nông dân nổ ra ở hầu khắp cả nước: ở Tiền Hải (Thái Bình), Duy Tiên (Hà Nam), ở Đức Phổ, Sơn Tịnh (Quảng Ngãi), ở Bà Chiểu (Sài Gòn – Chợ Lớn)... Tiêu biểu là ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, phong trào nông dân tiếp tục lên cao với những cuộc biểu tình lớn có vũ trang tự vệ, kéo đến huyện lỵ, tỉnh lỵ đòi giảm sưu thuế, như nông dân các huyện Nam Đàn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Quỳnh Lưu, Thanh Chương, Đô Lương, Anh Sơn, Can Lộc, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh... Nổi bật là cuộc biểu tình ngày 12/9/1930 của nông dân Hưng Nguyên (Nghệ An). Kết quả là chính quyền thực dân bị tê liệt, tan rã ở nhiều nơi, chính quyền cách mạng được thành lập ở nhiều vùng nông thôn thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

Phong trào cách mạng 1930 - 1931 đã thực hiện được sự liên minh công - nông, tìm được tiếng nói chung của hai giai cấp, tiêu biểu là ở Nghệ Tĩnh. Trong phong trào 1930 - 1931, công nhân và nông dân đã liên lạc chặt chẽ với nhau nên các cuộc biểu tình của công nhân ở Vinh - Bến Thủy có đông đảo nông dân tham gia và khi phong trào đến đỉnh cao vào cuối tháng 8 đầu tháng 9 năm 1930 với những cuộc biểu tình lớn của nông dân ở Nam Đàn, Thanh Chương (Nghệ An), Can Lộc (Hà Tĩnh) có đông đảo công nhân tham gia. Liên minh công - nông trong phong trào 1930 - 1931 là sự hiện thực hóa đầu tiên về việc xây dựng, tổ chức MTDTTN chống đế quốc phong kiến, tạo nên yếu tố hạt nhân và nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc. Tuy nhiên,

MTDTTN ấy mới chỉ có công nhân, nông dân – tức là mặt trận công nông, chưa thu hút các giai tầng khác, chưa phải là tổ chức tập hợp, khơi dậy và phát huy lòng yêu nước của khối đại đoàn kết toàn dân để giành độc lập cho Tổ quốc, tự do cho nhân dân “tổ chức cách mạng vẫn đơn thuần công nông và là một màu sắc nhất định, như: Công hội đỏ, Nông hội đỏ,...”, “thiếu mặt tổ chức thật quảng đại quần chúng, hấp thụ các tầng lớp trí thức dân tộc, tư sản dân tộc, họ là tầng lớp trên hay ở vào lớp giữa cũng vậy” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, tr. 231 - 232). Đó chính là một hạn chế, thiếu sót trong quá trình lập MTDTTN chống đế quốc của nhân dân Việt Nam trong những năm 1930. Bản Chỉ thị lập HPĐĐM ngày 18/11/1930 không những đã nhận ra được thiếu sót này mà còn chỉ rõ nguyên nhân là do những nhận thức lệch lạc:

chúng ta chưa quan niệm đúng cái tổ chức phản đế đồng minh là một nhiệm vụ giai cấp đấu tranh trong chủ nghĩa Mác ở thời đại đế quốc, và là Lê-nin-nít nỗ lực nhất, do đó chúng ta đã tách rời dân tộc cách mạng với giai cấp cách mạng làm hai đường mà chưa nhận định đúng là dân tộc cách mạng vẫn là một nhiệm vụ trong giai cấp cách mạng. (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, tr. 232)

Bên cạnh đó, bản Chỉ thị đã phân tích thái độ chính trị của các giai tầng trong phong trào 1930 - 1931 ở khắp các tỉnh của ba kì, tiêu biểu là Nghệ Tĩnh và nhận ra rằng:

qua khủng bố trắng dữ dội, họ vẫn cố gắng bám lấy cách mạng và âm thầm ủng hộ cách mạng nhất là tiểu địa

chủ và phú nông trung nông hạng trên, một số nhà nho bản hàn cũng cảm tình với cách mạng. (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, tr. 233)

Từ đó, Thường vụ Trung ương Đảng nêu rõ: việc thành lập tổ chức HPĐĐM là chủ trương đúng đắn và khẩn thiết, Chỉ thị hướng dẫn cách thức tổ chức HPĐĐM trên cơ sở phong trào mạnh, yếu ở các địa phương khác nhau. Ở những nơi phong trào đấu tranh mạnh mẽ như: Nghệ - Tĩnh, Quảng Ngãi, Thái Bình, có thể thành lập ngay Ban Chấp hành Hội Phản đế, rồi tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân tham gia, mở hội nghị đại biểu, quy tụ các tổ chức quần chúng (Nông hội, Công hội, Hội Phụ nữ...) và các đoàn thể có tính chất phường hội của nhân dân gia nhập. Ở những nơi phong trào còn thấp, sử dụng các hình thức như hội tương tế, tương trợ... để tập hợp các tầng lớp nhân dân, sau đó tuyên truyền vận động hướng họ vào con đường cách mạng.

Sự ra đời HPĐĐM thể hiện sự đúng đắn trong quan điểm về xác định kẻ thù, khẳng định nhiệm vụ của nhân dân Việt Nam là đấu tranh bằng mọi cách với sức mạnh của toàn dân tộc để chống đế quốc, giành độc lập cho đất nước.

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, nhiệm vụ giải phóng dân tộc đã trở thành mối quan tâm hàng đầu và cấp bách nhất đối với nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Trên con đường tìm đường cứu nước cho dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã sớm nhận thấy rằng, muốn thành công, một trong những vấn đề căn cơ nhất là cách mạng Việt Nam phải tập hợp được mọi lực lượng yêu nước có tinh thần dân tộc trong xã hội vào một mặt trận chung

chống kẻ thù. Trên cơ sở lí luận vững chắc đó, thực tiễn đấu tranh đã chứng minh tính đúng đắn và cấp thiết của việc thành lập một mặt trận rộng rãi. Sự ra đời của HPĐĐM năm 1930 là kết quả tất yếu của quá trình thâm nhuần sâu sắc lí luận cách mạng về đoàn kết dân tộc đến thực tiễn đấu tranh sôi nổi của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo tiền đề vững chắc cho những thắng lợi sau này của cách mạng Việt Nam.

5. Kết luận

Sau khi xác định được con đường cứu nước, giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Hội Phản đế đồng minh là hình thức tổ chức đầu tiên của MTĐTTN dưới sự lãnh đạo của Đảng, thể hiện sự sáng tạo trong việc tập hợp lực lượng ở một nước thuộc địa nửa phong kiến của Nguyễn Ái Quốc.

Sự thành lập Hội Phản đế đồng minh đánh dấu bước ngoặt mới cho cách mạng Việt Nam trong quá trình tập hợp mọi giai tầng trong xã hội vào một MTĐTTN với mục đích giải phóng dân tộc, đồng thời, sự thành lập Hội Phản đế đồng minh tạo ra sự phối hợp và thống nhất hành động giữa các lực lượng của dân tộc để hoàn thành những nhiệm vụ chiến lược do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra và lãnh đạo cho từng giai đoạn cách mạng. Từ năm 1930 đến nay, Hội phản đế đồng minh (nay là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) luôn luôn là mặt trận đoàn kết toàn dân thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kì đổi mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng Cộng Sản Việt Nam. (2002). *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 2*. Nxb Chính trị Quốc gia.
- Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập, Tập 1*. Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập, Tập 2*. Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Lê-nin, V. I. (2005). *Toàn tập, Tập 41*. Nxb Chính trị Quốc gia.
- Lý Việt Quang & Trần Thị Huyền. (24/2/2021). Tư tưởng Hồ Chí Minh về Mặt trận dân tộc thống nhất. *Tạp chí Lý luận chính trị*. Truy cập ngày 7/5/2025, từ <https://lyluanchinhtri.vn/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-mat-tran-dan-toc-thong-nhat-318.html>.
- Nguyễn Công Bình. (1963). *Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam*. Nxb Khoa học.
- Phan Ngọc Liên. (2009). *Từ điển thuật ngữ lịch sử phổ thông*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trần Dân Tiên. (2004). *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Nxb Nghệ An.
- Trần Hậu. (30/11/2020). Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất: Kinh nghiệm và bài học cho hôm nay. *Tạp chí Cộng sản*. Truy cập ngày 7/5/2025, từ <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/820533/dang-cong-san-viet-nam-lanh-dao-mat-tran-dan-toc-thong-nhat--kinh-nghiem-va-bai-hoc-cho-hom-nay.aspx>.
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. (2006). *Lịch sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam, Quyển I*. Nxb. Chính trị Quốc gia.

**THEORETICAL AND PRACTICAL FOUNDATIONS FOR THE
ESTABLISHMENT OF THE ANTI-IMPERIALIST ALLIANCE –
THE FIRST FORM OF THE VIETNAMESE NATIONAL UNITED FRONT**

Tran Thi Thuy Dung

Dong Nai University

Email: ttthuydung87@gmail.com

(Received: 13/5/2025, Revised: 27/6/2025, Accepted for publication: 17/9/2025)

ABSTRACT

Unity is a precious tradition of the Vietnamese nation. Millions of Vietnamese people gathered within a national united front not only demonstrate the spirit of national solidarity but also helped our people achieve victory in the resistance wars against foreign invaders, especially the two resistance wars against the French and Americans, maintaining independence and currently on the path of socialist construction. This article aims to explore the theoretical and practical foundations for the establishment of the Anti-Imperialist Alliance – the first form of the National United Front in Vietnamese history since the leadership of the Party.

Keywords: Anti-Imperialist Alliance, national united front, theoretical foundation, practical foundation, unity